

Số: **417**/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày **01** tháng **4** năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực văn hóa, mỹ thuật thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và UBND cấp huyện

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 627/QĐ-BVHTTDL ngày 25 tháng 02 năm 2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực mỹ thuật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Căn cứ Quyết định số 629/QĐ-BVHTTDL ngày 25 tháng 02 năm 2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 27/TTr-SVHTTDL ngày 19 tháng 3 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực văn hóa, mỹ thuật thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và UBND cấp huyện.

Điều 2. Giao Văn phòng UBND tỉnh cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và niêm yết, công khai tại Trung tâm Hành chính công.



Giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh công khai trên Trang thông tin điện tử của Sở.

Giao UBND cấp huyện niêm yết, công khai tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo Đắk Nông;
- Lưu: VT, TTHCC, KSTT.

}



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Cao Huy



**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC VĂN HÓA, MỸ THUẬT
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**

(Ban hành theo Quyết định số **416/QĐ-UBND** ngày **01** tháng **4** năm **2019** của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH					
<i>Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ: Trung tâm Hành chính công tỉnh Đắk Nông – Số 01, Đường Ong, Phường Nghĩa Trung, Thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông</i>					
1	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	<p>- Thành phần hồ sơ:</p> <p>(1) Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện do người đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài ký theo mẫu do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định;</p> <p>(2) Bản sao giấy đăng ký kinh doanh hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương của doanh nghiệp nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền nơi doanh nghiệp thành lập hoặc đăng ký kinh doanh xác nhận;</p> <p>(3) Báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương chứng minh được sự tồn tại và hoạt động của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài trong năm tài</p>	<p>1. Trình tự thực hiện:</p> <p>Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ</p> <p>Doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công.</p> <p>Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> <p>Bước 2. Xử lý hồ sơ</p> <p>Trong thời hạn 6,5 ngày làm việc, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, trình UBND tỉnh xem xét, cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam. Trường hợp từ chối, có văn bản trả lời và nêu rõ lý do (UBND tỉnh giải quyết trong 03 ngày làm việc).</p> <p>Bước 3. Trả kết quả</p>	3.000.000 đồng/Giấy phép.	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 41 của Luật quảng cáo ngày 21 tháng 6 năm 2012. - Điều 20 của Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quảng cáo. - Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quảng cáo và Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quảng cáo. - Thông tư số 165/2016/TT-BTC ngày 25 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu,





	<p>chính gần nhất;</p> <p>(4) Các giấy tờ quy định tại Điểm 2 và Điểm 3 nêu trên phải dịch ra tiếng Việt và được cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài chứng thực và thực hiện việc hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam.</p> <p>- Số lượng hồ sơ: (01) bộ.</p>	<p>UBND trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả kết quả cho doanh nghiệp.</p> <p>2. Thời gian giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ.</p> <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày;- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 6,5 ngày; <p>- UBND tỉnh: 03 ngày</p>		<p>ché độ thu, nộp lệ phí cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam.</p> <ul style="list-style-type: none">- Nghị định số 11/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến yêu cầu nộp bản sao giấy tờ có công chứng, chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
<p>2</p> <p>Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam</p>	<p>- Thành phần hồ sơ:</p> <p>(1) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện do người đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài ký theo mẫu do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định;</p> <p>(2) Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện: Nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); nộp bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua bưu điện).</p> <p>- Số lượng hồ sơ: (01) bộ.</p>	<p>1. Trình tự thực hiện:</p> <p>Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ</p> <p>Doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (<i>trong các trường hợp: thay đổi tên gọi; thay đổi phạm vi hoạt động; thay đổi người đứng đầu; thay đổi địa điểm đặt trụ sở trong phạm vi của tỉnh</i>) nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công.</p> <p>Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> <p>Bước 2. Thẩm định hồ sơ</p> <p>Trong thời hạn 6,5 ngày làm việc, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, trình UBND</p>	<p>1.500.000 đồng/Giấy phép.</p>	<ul style="list-style-type: none">- Điều 41 của Luật quảng cáo ngày 21 tháng 6 năm 2012.- Điều 22 của Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quảng cáo.- Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quảng cáo và Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quảng cáo.- Thông tư số 165/2016/TT-BTC ngày 25 tháng 10 năm 2016 của

3	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	<p>- Thành phần hồ sơ:</p> <p>(1) Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài ký theo mẫu do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định;</p> <p>(2) Bản gốc Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp.</p> <p>- Số lượng hồ sơ: (01) bộ.</p>	<p>tỉnh xem xét, cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam. Trường hợp từ chối, có văn bản trả lời và nêu rõ lý do (UBND tỉnh giải quyết trong 03 ngày làm việc).</p> <p>Bước 3. Trả kết quả</p> <p>UBND trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả kết quả cho doanh nghiệp.</p> <p>2. Thời gian giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ. Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 6,5 ngày; - UBND tỉnh: 03 ngày 	<p>1.500.000 đồng/Giấy phép.</p>	<p>Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 11/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến yêu cầu nộp bản sao giấy tờ có công chứng, chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
		<p>1. Trình tự thực hiện:</p> <p>Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ</p> <p>Doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài đề nghị cấp lại Giấy phép thành Văn phòng đại diện (trong các trường hợp: thay đổi tên gọi hoặc nơi đăng ký thành lập của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài sang nước khác; thay đổi hoạt động của doanh nghiệp; Giấy phép bị mất, rách) nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công.</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Điều 41 của Luật quảng cáo ngày 21 tháng 6 năm 2012. - Điều 23 của Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quảng cáo. - Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quảng cáo và Nghị 	

		<p>Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> <p>Bước 2. Xử lý hồ sơ</p> <p>Trong thời hạn 6,5 ngày làm việc, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, trình UBND tỉnh xem xét, cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam. Trường hợp từ chối, có văn bản trả lời và nêu rõ lý do (UBND tỉnh giải quyết trong 03 ngày làm việc).</p> <p>Bước 3. Trả kết quả</p> <p>UBND trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả kết quả cho doanh nghiệp.</p> <p>2. Thời gian giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ. Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 6,5 ngày; <p>- UBND tỉnh: 03 ngày</p>	<p>1. Trình tự thực hiện:</p> <p>Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ</p> <p>Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung</p>	<p>- Tại thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: Mức thu phí</p>	<p>định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quảng cáo.</p> <p>- Thông tư số 165/2016/TT-BTC ngày 25 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam.</p> <p>- Nghị định số 11/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến yêu cầu nộp bản sao giấy tờ có công chứng, chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>
4	Cấp giấy phép kinh doanh Vũ trường	<p>- Thành phần hồ sơ:</p> <p>(1) Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vũ trường (Mẫu 4 ban hành theo Thông tư</p>			<p>- Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động văn hoá và kinh doanh</p>

	<p>số 05/2012/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 5 năm 2012);</p> <p>(2) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); nộp bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua bưu điện).</p> <p>- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).</p>	<p>tâm Hành chính công.</p> <p>Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> <p>Bước 2. Xử lý hồ sơ</p> <p>Trong thời hạn 9,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định hồ sơ, cấp giấy phép. Trường hợp, không đồng ý, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>Bước 3. Trả kết quả</p> <p>Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả cho tổ chức, cá nhân.</p> <p>2. Thời gian giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ.</p> <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 9,5 ngày. 	<p>thẩm định cấp giấy phép là 15.000.000 đồng/Giấy phép;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại các khu vực khác: Mức thu phí thẩm định cấp giấy phép là 10.000.000 đồng/Giấy phép. 	<p>dịch vụ văn hoá công cộng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 04/2009/TT-BVHTT ngày 16 tháng 12 năm 2009 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số quy định tại Quy chế hoạt động văn hoá và kinh doanh dịch vụ văn hoá công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ. - Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 07 tháng 6 năm 2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 05/2012/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 5 năm 2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2009/TT-BVHTTDL, Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL, Quyết định số 55/1999/QĐ-BVHTT. - Thông tư số 212/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính ngày 10/11/2016
--	--	---	--	--

				<p>quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cấp giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường.</p> <p>- Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> <p>- Nghị định số 11/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến yêu cầu nộp bản sao giấy tờ có công chứng, chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>
5	<p>Thủ tục cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc; lãnh tụ</p>	<p>- Thành phần hồ sơ:</p> <p>(1) Đơn đề nghị cấp giấy phép (mẫu số 5 ban hành kèm theo Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật);</p> <p>(2) Ảnh màu kích thước 18x24 cm chụp bản mẫu và bản sao;</p> <p>(3) Hợp đồng sử dụng tác phẩm hoặc văn bản đồng ý của chủ sở hữu tác phẩm mẫu: Nộp</p>	<p>1. Trình tự thực hiện:</p> <p>Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ</p> <p>Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công.</p> <p>Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> <p>Bước 2. Xử lý hồ sơ</p> <p>Trong thời hạn 6,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ, Sở Văn hóa, Thể</p>	<p>Không</p> <p>- Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật.</p> <p>- Nghị định số 11/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến yêu cầu nộp bản sao giấy tờ có công chứng, chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>

	Cấp giấy phép kinh doanh karaoke (do cơ quan cấp giấy phép kinh doanh cấp)	bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); nộp bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua bưu điện). - Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).	thao và Du lịch tổ chức thăm định hồ sơ, cấp giấy phép. Trường hợp không đồng ý, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Bước 3. Trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả cho tổ chức, công dân. 2. Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ. Trong đó: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 6,5 ngày.		
--	--	---	--	--	--

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

1	Cấp giấy phép kinh doanh karaoke (do cơ quan cấp giấy phép kinh doanh cấp)	<p>- Thành phần hồ sơ:</p> <p>(1) Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh karaoke (Mẫu 3 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 05/2012/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 5 năm 2012);</p> <p>(2) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; Nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); nộp bản sao có</p>	<p>1. Trình tự thực hiện:</p> <p>Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ</p> <p>Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết cấp huyện hoặc nộp trực tuyến qua địa chỉ: www.motcua.daknong.gov.vn.</p> <p>Bước 2. Xử lý hồ sơ</p> <p>Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, UBND cấp huyện có trách nhiệm cấp giấy phép kinh doanh. Trường hợp không cấp giấy phép, UBND cấp huyện phải trả</p>	<p>- Tại thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: + Từ 01 đến 05 phòng, mức thu phí là 6.000.000 đồng/Giấy phép; + Từ 06 phòng trở lên, mức thu phí là 12.000.000 đồng/Giấy</p>	<p>- Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động văn hoá và kinh doanh dịch vụ văn hoá công cộng.</p> <p>- Thông tư số 04/2009/TT-BVHTT ngày 16 tháng 12 năm 2009 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số quy định tại Quy chế hoạt động văn hoá và kinh doanh dịch vụ văn hoá công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày</p>
---	--	---	---	---	--

	<p>chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua bưu điện).</p> <p>- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).</p>	<p>lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>Bước 3. Trả kết quả</p> <p>Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.</p> <p>2. Thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>phép.</p> <p>Đối với trường hợp các cơ sở đã được cấp phép kinh doanh karaoke đề nghị tăng thêm phòng, mức thu là 2.000.000 đồng/phòng.</p> <p>- Tại các khu vực khác:</p> <p>+ Từ 01 đến 05 phòng, mức thu phí là 3.000.000 đồng/Giấy phép;</p> <p>+ Từ 06 phòng trở lên, mức thu phí là 6.000.000 đồng/Giấy phép.</p> <p>Đối với trường hợp các cơ sở đã được cấp phép kinh doanh karaoke đề nghị tăng thêm phòng, mức thu là</p>	<p>06 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ.</p> <p>- Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 07 tháng 6 năm 2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> <p>- Thông tư số 05/2012/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 5 năm 2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2009/TT-BVHTTDL, Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL, Quyết định số 55/1999/QĐ-BVHTT.</p> <p>- Thông tư số 212/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cấp giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường.</p> <p>- Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa,</p>
--	--	---	--	---

				1.000.000 đồng/phòng.	Thể thao và Du lịch. - Nghị định số 11/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến yêu cầu nộp bản sao giấy tờ có công chứng, chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
--	--	--	--	--------------------------	--

Tổng số:

- 05 TTHC cấp tỉnh sửa đổi, bổ sung;
- 01 TTHC cấp huyện sửa đổi, bổ sung.

